

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN CÔNG NGHỆ 7**

| TT       | Nội dung kiến thức      | Đơn vị kiến thức        | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá   | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |              |
|----------|-------------------------|-------------------------|--|----------------------------------|------------|----------|--------------|
|          |                         |                         |  | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| (1)      | (2)                     | (3)                     | (4)  | (5)                              | (6)        | (7)      | (8)          |
| <b>I</b> | <b>TRỒNG TRỌT</b>       |                         |  |                                  |            |          |              |
| 1        | I. Quy trình trồng trọt | 1.1. Chuẩn bị đất trồng | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được các bước chuẩn bị đất trồng.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc làm đất.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc làm đất cho một đối tượng cây trồng cụ thể.<br>- Vận dụng kiến thức làm đất với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. | 1                                | 1          |          |              |
|          |                         | 1.2. Gieo trồng         | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được các phương thức gieo trồng phổ biến, các mùa vụ gieo trồng chính ở nước ta.  | 1                                |            |          |              |

|  |                       |   |   |   |   |  |
|--|-----------------------|---|---|---|---|--|
|  |                       | <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc gieo trồng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức về gieo trồng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.</li> </ul>  |   | 1 |   |  |
|  | <b>1.3. Chăm sóc</b>  | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên được các công việc chính để chăm sóc cây trồng.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc chăm sóc cây trồng</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức về chăm sóc cây trồng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.</li> </ul> | 1 |   | 1 |  |
|  | <b>1.4. Thu hoạch</b> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên được một số phương pháp chính trong thu hoạch. Cho ví dụ minh họa.</li> </ul>  | 1 |   |   |  |

|  |  |   |   |   |  |  |
|--|--|---|---|---|--|--|
|  |  | <p>- Trình bày được mục đích của việc bảo quản, chế biến sản phẩm trồng trọt.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của một số biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>- Lựa chọn được biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.</p>                                     |   |   |  |  |
|  | <p><b>1.5. Nhân giống cây trồng bằng giâm cành</b></p> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Trình bày khái niệm giâm cành, Kể tên được một số cây dễ giâm cành</p> <p>- Nêu được các bước trong quy trình giâm cành.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình giâm cành.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>- Vận dụng kiến thức về giâm cành vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.</p> | 2 | 1 |  |  |

|   |   |  |  |   |  |   |   |
|---|---|--|--|---|--|---|---|
|   |   | <b>1.6. Trồng và chăm sóc cây cải xanh</b> | <p><b>Vận dụng</b><br/>- Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến.</p> <p><b>Vận dụng cao</b><br/>- Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.</p> |   |  |   | 1 |
| 2 | <b>II. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng</b> | <b>2.1. Vai trò của rừng</b>               | <p><b>Nhận biết:</b><br/>- Trình bày được khái niệm về rừng, các vai trò chính của rừng.</p> <p><b>Thông hiểu:</b><br/>- Trình bày được vai trò của từng loại rừng.</p>  | 4 |  | 2 |   |
|   |   | <b>2.2. Các loại rừng phổ biến</b>         | <p><b>Nhận biết:</b><br/>- Nêu được các loại rừng phổ biến ở nước ta.</p> <p><b>Thông hiểu:</b><br/>- Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất).</p>   | 2 |  | 2 |   |

|  |  |   |  |   |   |  |  |
|--|--|---|--|---|---|--|--|
|  |  | <p><b>2.3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng</b></p> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu.</li> <li>- Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.</li> <li>- Nêu được các công việc chăm sóc rừng.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình trồng rừng.</li> <li>- Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình chăm sóc rừng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức trồng, chăm sóc rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.</li> </ul> | 3 | 2 |  |  |
|  |  | <p><b>2.4. Bảo vệ rừng</b></p>                    | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được một số biện pháp bảo vệ rừng.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ý nghĩa của việc bảo vệ rừng.</li> </ul>  | 1 | 2 |  |  |

|  |  |  |   |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|--|---|--|
|  |  |  | <p>- Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ rừng.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>- Vận dụng kiến thức bảo vệ rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.</p> |  |  | 1 |  |
|--|--|--|---|--|--|---|--|

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I  
MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7**

| TT | Nội dung kiến thức         | Đơn vị kiến thức                         | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |          |                  |              |                  | Tổng  |    | % tổng điểm |                  |
|----|----------------------------|--|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------------|------------------|-------|----|-------------|------------------|
|    |                            |  | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng |                  | Vận dụng cao |                  | Số CH |    |             | Thời gian (phút) |
|    |                            |  | Số CH            | Thời gian (phút) | Số CH      | Thời gian (phút) | Số CH    | Thời gian (phút) | Số CH        | Thời gian (phút) | TN    | TL |             |                  |
| 1  | I.<br>Quy trình trồng trọt | 1.1. Chuẩn bị đất trồng                  | 1                | 0.75             | 1          | 1.5              |          |                  |              |                  | 2     |    | 2.25        | 5                |
|    |                            | 1.2. Gieo trồng                          | 1                | 0.75             | 1          | 1.5              |          |                  |              |                  | 2     |    | 2.25        | 5                |
|    |                            | 1.3. Chăm sóc                            | 1                | 0.75             | 1          | 1.5              |          |                  |              |                  | 2     |    | 2.25        | 5                |
|    |                            | 1.4. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt       | 1                | 0.75             |            |                  |          |                  |              |                  | 1     |    | 0.75        | 2.5              |
|    |                            | 1.5. Nhân giống cây trồng bằng giâm cành | 2                | 1.5              | 1          | 1.5              |          |                  |              |                  | 3     |    | 3           | 7.5              |

|                        |   |  |            |           |            |           |            |           |            |          |           |          |            |             |
|------------------------|---|--|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|----------|-----------|----------|------------|-------------|
|                        |   | <b>1.6. Trồng và chăm sóc cây cải xanh</b> |            |           |            |           |            |           | 1          | 5        |           | 1        | 5          | <b>15</b>   |
| 2                      | <b>II. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng</b> | <b>2.1. Vai trò của rừng</b>               | 4          | 3         | 2          | 3         |            |           |            |          | 6         |          | 6          | <b>15</b>   |
|                        |   | <b>2.2. Các loại rừng phổ biến</b>         | 2          | 1.5       | 2          | 3         |            |           |            |          | 4         |          | 4.5        | <b>10</b>   |
|                        |   | <b>2.3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng</b> | 3          | 2.25      | 2          | 3         |            |           |            |          | 5         |          | 5.25       | <b>12.5</b> |
|                        |   | <b>2.4. Bảo vệ rừng</b>                    | 1          | 0.75      | 2          | 3         | 1          | 10        |            |          | 3         | 1        | 13.75      | <b>22.5</b> |
| <b>Tổng</b>            |   |  | <b>16</b>  | <b>12</b> | <b>12</b>  | <b>18</b> | <b>1</b>   | <b>10</b> | <b>1</b>   | <b>5</b> | <b>28</b> | <b>2</b> | <b>45</b>  |             |
| <b>Tỉ lệ (%)</b>       |   |  | <b>40%</b> |           | <b>30%</b> |           | <b>20%</b> |           | <b>10%</b> |          |           |          |            | <b>100</b>  |
| <b>Tỉ lệ chung (%)</b> |   |  | <b>70%</b> |           |            |           | <b>30%</b> |           |            |          |           |          | <b>100</b> |             |
|                        |   |  |            |           |            |           |            |           |            |          |           |          |            |             |





PHÒNG GD&ĐT.....

TRƯỜNG THCS .....

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**Môn Công nghệ 7**

*(Thời gian làm bài 45 phút)*

**A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1: Trình bày đúng theo thứ tự các bước chuẩn bị đất trồng là ?**

1. Vệ sinh đất trồng.
2. Làm đất và cải tạo đất.
3. Xác định diện tích đất trồng.

A. 1, 2, 3.

B. 2, 3, 1.

C. 2, 1, 3.

**D. 3, 1, 2.**

**Câu 2: Một trong những mục đích của việc cày đất ?**

A. San phẳng mặt ruộng.

**B. Làm tăng độ dày lớp đất trồng.**

C. Thuận lợi cho việc chăm sóc.

D. Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây.

**Câu 3: Phương thức gieo trồng phổ biến trong các mùa vụ gieo trồng chính ở nước ta là gì ?**

**A. Gieo bằng hạt, trồng bằng cây con.**

B. Trồng bằng củ, gieo bằng hạt.

C. Trồng bằng đoạn thân.

D. Trồng bằng rễ.

**Câu 4: Phương án nào sau đây KHÔNG đúng với yêu cầu kỹ thuật của việc tiến hành kiểm tra hạt giống**

**hoặc cây giống và đất trồng:**

A. Hạt giống tốt, không sâu bệnh và hạt đã được ngâm ủ.

B. Cây con khỏe, không sâu, bệnh.

C. Đất đủ ẩm, tơi xốp.

**D. Hạt giống lép, cây con không khỏe.**

**Câu 5: Một trong những công việc chính chăm sóc cây trồng là:**

**A. Làm cỏ, vun xới, tưới nước, bón phân.**

B. Gieo hạt, trồng cây con.

C. Lên luống.

D. Cày, bừa đất.

**Câu 6: Yêu cầu kĩ thuật của việc chăm sóc cây trồng trong tía, dặm cây là:**

A. Đảm bảo diệt sạch cỏ dại.

B. Đảm bảo cung cấp đủ chất dinh dưỡng.

**C. Đảm bảo đúng mật độ, khoảng cách giữa các hàng và các cây.**

D. Đảm bảo diệt trừ hết sâu bệnh.

**Câu 7: Phương án nào sau đây KHÔNG phải là một trong những phương pháp chính trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt.**

**A. Bỏ (cam)**

B. Hái (đậu).

C. Nhổ (sự hào).

D. Cắt (hoa).

**Câu 8: Giâm cành là phương pháp:**

A. Nuôi cấy mô

**B. Nhân giống vô tính**

C. Nhân giống hữu tính

D. Nhân giống vô tính và hữu tính

**Câu 9: Nguyên liệu được sử dụng để nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành là gì?**

A. Phần lá cây

B. Phần ngọn cây

**C. Phần đoạn thân có chồi (mắt)**

D. Phần gốc có rễ của cây

**Câu 10: Nhóm cây nào dưới đây để nhân giống bằng phương pháp giâm cành?**

A. Cây chuối, cây mít, cây chanh.

**B. Cây khoai mì, cây mía, cây rau muống.**

C. Cây bắp, cây mồng tơi, cây đậu đỏ.

D. Cây khoai lang, cây cải xanh, cây bưởi.

**Câu 11. Em hãy liệt kê các vai trò của rừng?**

A. **Bảo vệ môi trường, phục vụ đời sống, sản xuất, nghiên cứu.**

B. Phục vụ đời sống, bảo vệ môi trường,

C. Phục vụ đời sống, sản xuất, bảo vệ môi trường.

D. Phục vụ nghiên cứu, sản xuất.

**Câu 12. Câu nào sau đây mô tả vai trò của rừng là bảo vệ môi trường?**

A. Rừng cho nhiều sản phẩm gỗ: Bàn gỗ, Cửa gỗ.

**B. Rừng cung cấp khí oxygen, thu khí cacbon dioxide.**

C. Rừng cho ta mật ong, thuốc nam.

D. Rừng nơi ở động vật, .

**Câu 13. Em hãy nhận biết sản phẩm nào sau đây được sản xuất từ rừng phục vụ con người?**

**A. Vở, thước được làm từ gỗ.**

B. Thước, Bút được làm từ kim loại.

C. Túi sách, giày dép được làm từ da bò nhập khẩu.

D. Bánh được làm từ bột củ mì.

**Câu 14. Hãy chọn câu đúng về vai trò của rừng phòng hộ?**

A. Rừng ven biển chắn gió, chống cát bay, che chở cho vùng đất phía trong đất liền.

B. Rừng cao su làm giảm tốc độ dòng chảy, giữ nước nuôi cây lấy mủ.

C. Rừng Tràm cung cấp nguyên liệu cho xây dựng và sản xuất.

D. Rừng thông ven biển chắn gió, nguyên liệu gỗ cho xuất khẩu.

**Câu 15. Nội dung nào sau đây KHÔNG phải là một trong những vai trò của rừng?**

A. Điều hòa không khí.

B. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

C. Là nơi sống của động, thực vật rừng.

D. Cung cấp gỗ cho con người.

**Câu 16. Bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh là vai trò của loại rừng nào sau đây?**

A. Rừng phòng hộ.

B. Rừng sản xuất.

C. Rừng đặc dụng.

D. Rừng đầu nguồn.

**Câu 17: Phân loại rừng theo nguồn gốc hình thành gồm có:**

A. Rừng tràm, rừng tre nứa, rừng thông

B. Rừng núi đất, rừng núi đá, rừng ngập nước

C. Rừng tự nhiên, rừng trồng

D. Rừng rất giàu, rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo

**Câu 18: Mục đích của rừng phòng hộ là:**

- A. Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.
- B. Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất.**
- C. Nghiên cứu khoa học.
- D. Bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa

**Câu 19: Phân loại rừng theo mục đích sử dụng:**

- A. Rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh, rừng trồng mới
- B. Rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo
- C. Rừng đặc dụng, rừng sản xuất, rừng phòng hộ**
- D. Rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng tre nứa

**Câu 20: Rừng Cát Tiên (thuộc địa phận 3 tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước) với mục đích sử dụng chủ yếu là:**

- A. Rừng đặc dụng**
- B. Rừng phòng hộ
- C. Rừng tự nhiên
- D. Rừng sản xuất

**Câu 21. Thời vụ trồng rừng thích hợp nhất là khi nào?**

- A. Thời tiết lạnh
- B. Thời tiết nóng
- C. Thời tiết ẩm
- D. Thời tiết ẩm, độ ẩm vừa phải, đủ nước tưới**

**Câu 22. Thời vụ trồng rừng chính ở các tỉnh miền Bắc là mùa nào?**

- A. Mùa đông và mùa hè
- B. Mùa xuân và mùa thu**
- C. Mùa đông và mùa xuân
- D. Mùa hè và mùa thu

**Câu 23. Có mấy phương pháp trồng rừng phổ biến hiện nay ?**



A. Cháy rừng, đốt nương làm rẫy

B. Cháy rừng, đốt nương làm rẫy, chặt phá rừng bừa bãi

C. Khai thác rừng không đúng cách, chặt phá rừng bừa bãi.

D. Cháy rừng, đốt nương làm rẫy, chặt phá rừng bừa bãi, khai thác rừng không đúng cách, chặt phá rừng bừa bãi...

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm):**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Em hãy đề xuất một số biện pháp chăm sóc rừng? Từ đó, thực hiện một số biện pháp bảo vệ rừng tại địa phương em?

**Câu 2 (1,0 điểm):** Dựa vào quy trình trồng cây cải xanh, em hãy cho biết các biện pháp trồng trọt hữu cơ được áp dụng ở những giai đoạn nào trong quy trình trồng cây ?



## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

### A. TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm) : Mỗi câu đúng 0.25 điểm

|            |           |           |           |           |           |           |           |
|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Câu</b> | <b>1</b>  | <b>2</b>  | <b>3</b>  | <b>4</b>  | <b>5</b>  | <b>6</b>  | <b>7</b>  |
| Đáp án     | D         | B         | A         | D         | A         | C         | A         |
| <b>Câu</b> | <b>8</b>  | <b>9</b>  | <b>10</b> | <b>11</b> | <b>12</b> | <b>13</b> | <b>14</b> |
| Đáp án     | B         | C         | B         | A         | B         | A         | A         |
| <b>Câu</b> | <b>15</b> | <b>16</b> | <b>17</b> | <b>18</b> | <b>19</b> | <b>20</b> | <b>21</b> |
| Đáp án     | B         | C         | C         | B         | C         | A         | D         |
| <b>Câu</b> | <b>22</b> | <b>23</b> | <b>24</b> | <b>25</b> | <b>26</b> | <b>27</b> | <b>28</b> |
| Đáp án     | B         | B         | A         | B         | C         | A         | D         |

### B. TỰ LUẬN (3.0 điểm):

| <b>Câu</b>   | <b>Đáp án</b>  | <b>Điểm</b>  |
|--------------|--|--------------|
| <b>Câu 1</b> | * Biện pháp chăm sóc rừng:<br>- Làm cỏ, xới đất, vun gốc | 0.2đ<br>0.2đ |

|              |   |   |
|--------------|---|---|
|              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát quang</li> <li>- Tỉa và dặm cây</li> <li>- Bón phân</li> <li>- Làm rào bảo vệ</li> <li>*Biện pháp bảo vệ rừng tại địa phương:</li> <li>- Tích cực bảo vệ, chăm sóc cây xanh tại địa phương</li> <li>- Tuyên truyền người dân nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng</li> <li>- Luôn tuân theo các biện pháp bảo vệ rừng tại địa phương</li> <li>- Kêu gọi mọi người tích cực trồng cây gây rừng.</li> </ul> | <p>0.2đ</p> <p>0.2đ</p> <p>0.2đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> |
| <b>Câu 2</b> | <p>+ Làm đất và bón phân lót</p> <p>Sử dụng phân vi sinh + phân trùn quế trộn với đất để bón lót</p> <p>+ Bón phân thúc</p> <p>Sử dụng phân trùn quế + phân hữu cơ pha vào nước để tưới cho cây</p>   | <p>0.5đ</p> <p>0.5 điểm</p>   |